UBND TỈNH KHÁNH HÒA
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1828/QĐ-CĐKTCN

*Khánh Hòa, ngày 13 tháng 11 năm 2020*

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả tốt nghiệp các lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ Sư phạm dành cho nhà giáo dạy trình độ Sơ cấp tại Trung tâm GDNN Cao Nguyên – Đăk Nông**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG**

*Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-CĐKTCN ngày 07/01/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;*

*Căn cứ Quyết định số 1021/QĐ-CĐKTCN ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc thành lập Khoa sư phạm Dạy nghề trực thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;*

*Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-CĐKTCN ngày 15/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo dạy trình độ sơ cấp;*

*Xét đề nghị của Trưởng khoa Sư phạm Dạy nghề và Trưởng phòng Đào tạo.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công nhận kết quả tốt nghiệp cho các lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ Sư phạm cho nhà giáo dạy trình độ sơ cấp tại Trung tâm GDNN Cao Nguyên – Đăk Nông gồm **33 học viên** (*có danh sách kèm theo*).

**Điều 2.** Các học viên tốt nghiệp có tên tại Điều 1 được cấp Chứng chỉ Nghiệp vụ Sư phạm một lần sau khi hoàn thành các thủ tục với Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

**Điều 3.** Các Ông (Bà)Trưởng khoa Sư phạm Dạy nghề, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***
- Như điều 3;
- Vụ NG – TCGDNN (thay báo cáo);
- Lưu: VT, Đào tạo, KH-TC,khoa SPDN(02)

**HIỆU TRƯỞNG**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

**Trần Văn Hải**

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT**
**CÔNG NGHỆ NHA TRANG**

# DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP LỚP BỒI DƯỠNG NVSP CHO NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP K01/2020 TẠI TRUNG TÂM GDNN CAO NGUYÊN - ĐĂK NÔNG

*(Kèm theo Quyết định số: 1828/QĐ-CĐKTCN, ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)*

| TT | Họ và tên | | Ngày sinh | Nguyên Quán | Kết quả điểm tốt nghiệp | | | | Điểm Xếp loại tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TKDH | THDH | ĐGDH | TTTN | | | |
| 1 | HUỲNH NGỌC | KHOA | 23/4/1970 | Lâm Đông | 7,0 | 7,0 | 7,0 | 7,0 | 7,0 | KHÁ | |
| 2 | LÊ XUÂN | HÀ | 23/5/1984 | Ý Yên, Nam Định | 6,0 | 6,0 | 7,0 | 7,0 | 6,5 | TB | |
| 3 | NGUYỄN BÁ | TIẾN | 02/11/1984 | Đức Phổ, Quảng Ngãi | 7,0 | 7,0 | 7,0 | 7,0 | 7,0 | KHÁ | |
| 4 | TỪ THẾ | QUYỀN | 29/3//1985 | Thạch Hà, Hà Tĩnh | 7,0 | 6,0 | 7,0 | 7,0 | 6,8 | TB | |
| 5 | NGUYỄN ĐÌNH | NAM | 18/10/1994 | Điện Bàn, Quảng Nam | 6,0 | 6,0 | 7,0 | 7,0 | 6,5 | TB | |
| 6 | NGUYỄN DUY | THÀNH | 03/02/1991 | An Nhơn, Bình Định | 7,0 | 5,0 | 7,0 | 7,0 | 6,5 | TB | |
| 7 | NGUYỄN VĂN | NINH | 12/09/1988 | Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | 8,0 | 7,0 | 6,0 | 7,0 | 7,0 | KHÁ | |
| 8 | NGUYỄN VĂN | NHƯ | 26/061990 | Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | 6,0 | 6,0 | 7,0 | 7,0 | 6,5 | TB | |
| 9 | NGUYỄN THOẠI | TUYÊN | 11/8/1988 | Nghi Lộc,Nghệ An | 6,0 | 7,0 | 8,0 | 7,0 | 6,0 | TB | |
| 10 | PHAN THÁI XUÂN | SƠN | 24/12/1988 | Đức Phổ, Quảng Ngãi | 7,0 | 6,0 | 7,0 | 8,0 | 7,0 | KHÁ | |
| 11 | NGUYỄN TRỌNG | NGHĨA | 14/12/1989 | Buôn Ma Thuột, Đăk Lăk | 7,0 | 7,0 | 6,0 | 6,0 | 6,5 | TB | |
| 12 | NGUYỄN MẠNH | TỨ | 16/11/1989 | Hòa Vang, Đà Nẵng | 7,0 | 6,0 | 7,0 | 7,0 | 6,8 | TB | |
| 13 | TRẦN VĂN | ĐẠT | 27/11/1995 | Quế Sơn, Quảng Nam | 7,0 | 7,0 | 8,0 | 7,0 | 7,3 | KHÁ | |
| 14 | PHẠM ĐÌNH | TÚ | 19/01/1986 | Triệu Sơn, Thanh Hóa | 7,0 | 7,0 | 6,0 | 7,0 | 6,8 | TB | |
| 15 | NGUYỄN THÀNH | TÂM | 28/5//1989 | Hương Khê, Hà Tĩnh | 7,0 | 7,0 | 6,0 | 7,0 | 6,8 | TB | |
| 16 | ĐÀO CÔNG | MINH | 13/5/1995 | Tiền Hải, Thái Bình | 7,0 | 7,0 | 8,0 | 7,0 | 7,3 | KHÁ | |
| 17 | NGUYỄN ĐÌNH | DUY | 13/4/2000 | Nghi Lộc,Nghệ An | 7,0 | 7,0 | 6,0 | 7,0 | 6,8 | TB | |
| 18 | LÊ ĐÌNH | VŨ | 20/8/1977 | Duy Xuyên, Quảng Nam | 7,0 | 7,0 | 7,0 | 8,0 | 7,3 | KHÁ | |
| 19 | NGUYỄN QUANG | DUY | 16/4/1988 | Hoàn Kiếm, Hà Nội | 7,0 | 6,0 | 7,0 | 7,0 | 6,8 | TB | |
| 20 | PHAN THÀNH | QUỐC | 01/01/1978 | Tây Sơn, Bình Định | 6,0 | 7,0 | 8,0 | 6,0 | 6,8 | TB | |

| TT | Họ và tên | | Ngày sinh | Nguyên Quán | Kết quả điểm tốt nghiệp | | | | Điểm Xếp loại tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TKDH | THDH | ĐGDH | TTTN | | | |
| 21 | TRẦN VĂN | QUỐC | 22/12/1975 | Tây Sơn, Bình Định | 7,0 | 7,0 | 8,0 | 7,0 | 7,3 | KHÁ | |
| 22 | HỒ THỊ | NGUYÊN | 10/6/1983 | Thăng Bình, Quảng Nam | 8,0 | 7,0 | 7,0 | 7,0 | 7,3 | KHÁ | |
| 23 | NGÔ VĂN | KHÁNH | 15/02/1996 | Quảng Điền, Thừa Thiên Huế | 7,0 | 6,0 | 6,0 | 8,0 | 6,8 | TB | |
| 24 | ĐOÀN NGỌC | HÒA | 19/05/1992 | Hương Sơn, Hà Tĩnh | 7,0 | 7,0 | 7,0 | 7,0 | 7,0 | KHÁ | |
| 25 | ĐÀO VIỆT | TIỆP | 16/05/1985 | Kim Động, Hưng Yên | 7,0 | 7,0 | 8,0 | 7,0 | 7,3 | KHÁ | |
| 26 | LÊ ĐỨC | ANH | 27/6/1989 | Hương Khê, Hà Tĩnh | 7,0 | 7,0 | 6,0 | 7,0 | 6,8 | TB | |
| 27 | LÊ NGỌC | VINH | 29/5/1985 | Tây Hòa, Phú Yên | 7,0 | 7,0 | 8,0 | 5,0 | 6,8 | TB | |
| 28 | NGUYỄN LƯƠNG TUẤN | SANG | 27/03/1999 | Yên Dũng, Bắc Giang | 7,0 | 7,0 | 6,0 | 8,0 | 7,0 | KHÁ | |
| 29 | TRẦN KHÁNH | NAM | 05/4/1986 | An Nhơn, Bình Định | 7,0 | 7,0 | 8,0 | 7,0 | 7,3 | KHÁ | |
| 30 | NGUYỄN TIẾN | LINH | 18/10/1973 | Kỳ Anh, Hà Tĩnh | 8,0 | 6,0 | 7,0 | 8,0 | 7,3 | KHÁ | |
| 31 | NGUYỄN TẤN | TƯƠNG | 07/02/1988 | Núi Thành, Quảng Nam | 6,0 | 7,0 | 6,0 | 8,0 | 6,8 | TB | |
| 32 | HÀ ĐỨC | VIỆT | 07/10/1980 | Thanh Sơn, Phú Thọ | 6,0 | 7,0 | 6,0 | 8,0 | 6,8 | TB | |
| 33 | TRẦN ANH | QUÂN | 08/12/1996 | Hưng Nguyên, Nghệ An | 7,0 | 6,0 | 6,0 | 7,0 | 6,5 | TB | |

*Danh sách này có 33 học viên*

| Xếp loại | Số lượng | Tỉ lệ |
|---|---|---|
| Giỏi | 0 | 0% |
| Khá | 14 | 42% |
| TB | 19 | 58% |
| Tổng cộng | 33 | 100% |